

Bản án số: 31/2023/HS-ST

Ngày 28/9/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quang;

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2023/TLST-HS ngày 07/9/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HS ngày 15/9/2023 đối với các bị cáo:

1. **Phùng Vĩnh B**, sinh ngày 31/12/1984 tại Thái Nguyên; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: **thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phùng Ngọc N** và bà **Hoàng Thị C** (đều đã chết); chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 08/10/2019 bị TAND huyện Quảng Ninh xét xử 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 28/11/2019, TAND tỉnh Quảng Bình xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm; Ngày 28/11/2019 bị TAND thành phố Đồng Hới xử 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 30 tháng, chấp hành xong ngày 27/12/2021. Nhân thân: Ngày 31/8/2006, bị TAND tỉnh Quảng Bình xử phúc thẩm 30 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 30/4/2008; Ngày 21/12/2015, TAND thành phố Đồng Hới xử 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 13/10/2016; Ngày 26/9/2014, **Công an huyện Q, Quảng Bình** xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa thi hành nhưng không có căn cứ xác định bị can trì hoãn trốn tránh, không có quyết định cưỡng chế; Ngày 13/6/2019, bị **Công an thành phố Đ** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã thi hành xong.

* Bị cáo hiện đang chấp hành Bản án số 67/2023/HSST ngày 10/7/2023 của TAND thành phố Đồng Hới xét xử 15 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” tại **Trại giam B2**. Có mặt.

2. **Nguyễn Lê B1**, sinh ngày 10/01/1992 tại Quảng Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: **tổ dân phố H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Minh C1** (đã chết) con bà **Lê Thị Thu V**; bị cáo có vợ đã ly hôn 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/01/2013,

TAND thành phố Đồng Hới xử 12 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 20/9/2013; Ngày 22/11/2019, TAND thành phố Đồng Hới xử 12 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 20/8/2020; Ngày 29/9/2015, bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, đã thi hành xong; Ngày 24/02/2021, bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ, đã thi hành xong. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/5/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V. Có mặt.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1983 và chị Lê Thị H, sinh năm 1990; cùng trú tại: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị H là anh Nguyễn Thái T, trú tại: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, theo văn bản ủy quyền lập ngày 27/3/2023. Có mặt.

- Anh Lê Đào C2, sinh năm 1981; trú tại: thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1979; trú tại: khu phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Mai Đức T1, sinh năm 1983; trú tại: khu phố H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Trần D, sinh năm 1978; trú tại: thôn G, xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) do ông Nguyễn Lê H1, sinh năm 1987 - Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng S1 chi nhánh Q làm đại diện theo Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022. Có mặt.

- Anh Trần Văn V1, sinh năm 1978, trú tại: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1955; trú tại: tổ dân phố H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1982; tổ dân phố H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 22/3/2023, Phùng Vĩnh B rủ Nguyễn Lê B1 vào Quảng Trị trộm cắp tài sản. Lê B1 đồng ý và điều khiển xe ô tô tải biển số 73C-103.99 của mình chở Vĩnh B cùng đi. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua nhà đang xây dựng của anh Nguyễn Thái T (thuộc thôn C, xã V, huyện V), Vĩnh B bảo dừng xe lại rồi đi vào nhà anh T trộm cắp tài sản còn Lê B1 vào cây xăng dầu P cách đó 100m để đổ dầu rồi qua đường đợi. Khi vào nhà anh T, Vĩnh B dùng 01 cờ lê đã chuẩn bị sẵn tháo rời phần mô tơ của máy cắt sắt hiệu Hồng Ký đang để phòng vệ sinh và bung mô tơ đến để ở thành cửa sổ phòng ngủ. Sau đó bung phần thân máy cắt để ra bên ngoài và tiếp tục bung 04 thanh ốp cửa cuốn trên nền cạnh nhà vệ sinh rồi bỏ sát vị trí máy cắt qua hướng cửa sổ phòng ngủ, bung tiếp 05 lá cửa kéo bằng sắt để trên bãi đất trống rồi bung tất cả tài sản trộm cắp được để ở mép Quốc Lộ A. Lê B1 điều khiển xe đến

trước nhà anh T và mở cửa thùng xe để V đứng dưới đưa tài sản đã trộm cắp lên xe. Cả hai tiếp tục điều khiển xe đi vào huyện G. Khi đến địa phận thôn L, xã P, V thấy G sửa chữa xe ô tô của anh Lê Đào C2 (trú tại thôn C, xã T) không có người trông coi nên nói với Lê B1 dừng xe cách gara khoảng 20m đứng đợi, còn mình đi đến nhà kho gara dùng xà cạy chuẩn bị sẵn phá ổ khóa lấy 02 đùm cầu ô tô, 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai bung ra để ở lề đường. Lê Bình lùi xe lại bung 02 đùm cầu ô tô và 02 ắc quy bỏ lên xe, rồi tiếp tục vào thành phố Đ. Khi qua nhà đang xây dựng của chị Phan Thị Hồng T3 (D L, khu phố B, phường Đ), V xuống xe đột nhập theo lối công, thấy có 01 kho chứa đồ đang khóa nên nhặt 01 thanh sắt dài khoảng 40cm cạy bung ổ khóa đi vào trong, thấy 01 bao lác màu xanh bên trong có chứa 01 máy bắn cốt hiệu makita, 01 máy khoan tay hiệu Makita, 04 máy mon hiệu Makita, 02 máy đục hiệu FEG, 01 máy khoan cắt bê tông hiệu FEG, V dùng cờ lê đã chuẩn bị sẵn tháo rời phần mô tơ và phần thân máy tời bỏ vào trong bao lác có chứa các máy trên (các tài sản này của anh Mai Đức T1, trú tại khu phố H, phường E, thành phố Đ) mang ra ngoài đường rồi bung bỏ lên ca bin xe; sau đó cả hai quay ngược ra lại Quảng Bình. Khi đến ngã tư S thuộc địa phận huyện C, V xuống xe vào nhà anh Trần K (trú tại thôn P, xã T, huyện C) đang xây phía bên phải đường lấy trộm 01 mô tơ loại 1 pha có dòng chữ “ Trung Sơn” (tài sản này là của anh Hoàng Minh Đ, trú tại khu phố E, phường Đ, thành phố Đ) bỏ lên ca bin và đi tiếp ra thị trấn G. Vĩnh Bình nhìn thấy nhà anh Trần D (trú tại thôn L, G) đang xây bên phải đường nên nói với Lê B1 dừng xe cách khoảng 30m rồi đi đến dùng cờ lê chuẩn bị trước tháo một mô tơ đang gắn trên máy trộn bê tông, tiếp đến thấy quán cà phê của anh D không có hệ thống cửa nên Vĩnh B đi vào lấy 01 bao gai bên trong có 01 máy đầm dùi, 01 máy đục bê tông rồi V bung các đồ lấy trộm trên để trên cabin xe ô tô đi tiếp ra Quảng Bình. Do Vĩnh B biết được anh Trần Văn V1 (trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) làm nghề thu mua phế liệu nên đến 07 giờ sáng ngày 23/3/2023 cả hai điều khiển xe đến bán các tài sản trộm cắp được cho anh V1 gồm: 04 thanh ốp cửa cuốn, 05 lá cửa kéo bằng sắt, 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai, 01 thân máy bàn cắt sắt hiệu Hồng K1 và 02 đùm cầu của xe ô tô, 4 mô tơ, 03 máy đục, 01 máy đầm dùi, 01 máy bắn cốt pha, 01 máy khoan, 04 máy mon với giá 6.200.000 đồng (anh V1 trả trước cho V 3.000.000 đồng), Vĩnh B đưa cho Lê B1 số tiền 3.000.000 đồng, sau đó hai người đi về nhà của mình.

- Kết luận định giá tài sản số 176/KLĐGTS ngày 27/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện V xác định trị giá thiệt hại của thân máy cắt nhãn hiệu Hồng Ký là 1.914.516 đồng; 01 mô tơ Hồng Ký là: 1.595.430 đồng, 04 thanh ốp cửa cuốn là: 1.200.000 đồng; 05 lá cửa kéo là: 261.600 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là: 4.971.546 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số 08/KL-ĐGTS ngày 05/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện G xác định trị giá còn lại của 02 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai, 02 đùm cầu ô tô tại thời điểm định giá ngày 23/3/2023 là 8.000.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐGTS ngày 16/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện G xác định trị giá còn lại của 01 máy mô tơ: 900.000 đồng; 01 máy đầm dùi: 500.000 đồng; 01 máy đục bê tông: 750.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là: 2.150.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số 08/KL-ĐGTS ngày 27/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản **huyện C** xác định trị giá còn lại của 01 mô tơ điện (loại công suất 3 KW) là 2.360.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số 36/KL-ĐGTS ngày 22/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản **thành phố Đ** xác định trị giá còn lại của 01 máy tời: 1.743.000 đồng, 01 máy bắn cốt hiệu Makita: 595.000 đồng, 01 máy khoan tay hiệu Makita: 679.000 đồng, 04 máy sơn hiệu Makita: 2.240.000 đồng, 02 máy đục hiệu FEG: 1.470.000 đồng, 01 máy khoan cắt bê tông hiệu FEG: 770.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là: 7.497.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản các bị cáo chiếm đoạt là: 24.978.546 đồng.

Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 06/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh truy tố các bị cáo **Phùng Vĩnh B, Nguyễn Lê B1** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh giữ nguyên quyết định truy tố **Phùng Vĩnh B, Nguyễn Lê B1** về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ; xử phạt **Phùng Vĩnh B** mức án từ 18 đến 21 tháng tù và **Nguyễn Lê B1** mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng, quyết định tố tụng*: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo*:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo, lời trình bày của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, có cơ sở khẳng định: Ngày 22/3/2023, lợi dụng đêm tối và sự lỏng lẻo, sơ hở trong quản lý tài sản của anh **Nguyễn Thái T, Lê Đào C2, Hoàng Minh Đ, Mai Đức T1** và anh **Trần D**, các bị cáo **Phùng Vĩnh B** và **Nguyễn Lê B1** đã lén lút chiếm đoạt của của các bị hại tổng giá trị tài sản 24.978.546 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với một mức án nghiêm minh để cải tạo, giáo dục, đồng thời góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[3] *Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*:

- Về tình tiết tăng nặng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử xác định trong một đêm đã thực hiện nhiều lần phạm tội trong đó mỗi lần phạm tội tang số đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng ạm” “phạm tội 2

lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo **Phùng Vĩnh B** phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng 4" \o ""tái""tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, các bị hại anh **Nguyễn Thái T**, **Trần D** có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Riêng anh **Mai Đức T1** có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Lê B1**, mẹ bị cáo **Nguyễn Lê B1** được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và Huy hiệu Chiến sỹ Trường Sơn được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] *Vị trí, vai trò của các bị cáo và quyết định hình phạt:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công chặt chẽ. Trong đó, **Phùng Vĩnh B** là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và chuẩn bị công cụ phạm tội; còn **Nguyễn Lê B1** là người giúp sức tích cực, các bị cáo có nhân thân xấu nên cần có mức án phù hợp với từng hành vi của các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe giáo dục.

[5] *Tổng hợp hình phạt và biện pháp ngăn chặn:*

Hành vi phạm tội của **Phùng Vĩnh B** thực hiện vào các ngày 14/02/2023, 15/02/2023 và ngày 16/3/2023 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 67/2023/HSST ngày 10/7/2023. Bản án đã có hiệu lực pháp luật và Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Quyết định thi hành án phạt tù số 104/2023/QĐ-CA ngày 14/8/2023, do đó, cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt và không phải ban hành quyết định tạm giam đối với bị cáo sau khi tuyên án.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần ban hành quyết định tạm giam đối với bị cáo **Nguyễn Lê B1** để đảm bảo thi hành án.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Các bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại đủ cho các bị hại **Nguyễn Thái T** số tiền 1.590.000 đồng, **Trần D** số tiền 1.250.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xét.

Anh **Mai Đức T1** yêu cầu các bị can bồi thường số tiền 6.264.000 đồng, bị cáo **Nguyễn Lê B1** đã bồi thường phần của mình cho anh **T1** số tiền 3.127.000 đồng. Phần còn lại, 3.127.000 đồng buộc bị cáo **Phùng Vĩnh B** tiếp tục bồi thường cho anh **T1**.

Anh **Lê Đào C2** yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 9.800.000 đồng, tiếp tục buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho anh **C2** theo phần mỗi bị cáo bồi thường 4.900.000 đồng.

Anh **Hoàng Minh Đ** đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Anh **Trần Văn V1** khi mua các tài sản do Phùng Vĩnh Bình bán mà không biết đó là tài sản phạm với giá 950.000 đồng và không yêu cầu các bị hoàn trả nên không xem xét.

[7] *Xử lý vật chứng:* 04 thanh ốp cửa cuốn, 05 lá cửa kéo bằng sắt, 01 máy bàn cắt sắt hiệu Hồng Ký, máy không có mô tơ của anh **Nguyễn Thái T**; 01 bao lác màu xanh bên trong chứa 01 mô tơ điện màu xám, không có nắp quạt của anh **Hoàng Minh Đ**. 01 bao lác màu xanh, bên trong chứa 01 mô tơ điện màu xám của anh **Trần**

D. 01 mô tơ điện màu xám của anh **Mai Đức T1**. 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai, loại 12V-50Ah của anh **Lê Đào C2**. Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan **Công an huyện V** đã trả lại các vật chứng trên cho các chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX không cần nhắc đến vấn đề này.

- Chiếc xe 01 xe ô tô tải hiệu FUSO, màu sơn trắng, biển kiểm soát 73C-103.99, số máy 4M42A93634, số khung 7SMAKC098663, kèm theo các giấy tờ đăng ký xe, do **Nguyễn Lê B1** đứng tên chủ xe và đã sử dụng vào việc trộm cắp tài sản; về nguyên tắc, cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước. Nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà **Lê Thị Thu V** (mẹ của **B1**) trình bày: Vào năm 2019, bà và chồng bán một chiếc xe được 250.000.000 đồng và dùng số tiền này để mua trả góp chiếc xe này ở **ngân hàng V2 chi nhánh Q** với giá trị 750.000.000 đồng, bà **V** đã trả góp được 200.000.000 đồng và các chứng từ thanh toán đều đứng tên bà **V**, đáng lẽ bà **V** đứng tên chủ sở hữu nhưng vì **B1** là lái xe nên bà **V** để cho **B1** đứng tên để tiền cho làm ăn và quá trình lưu thông trên đường, việc trả góp tiền mua xe theo định kỳ hàng tháng trích từ tiền lương của bà **V** và của chồng mình. Sau đó, do bà **V** không còn khả năng thanh toán tiếp số tiền trả góp cho **ngân hàng V3** nên đã nhờ anh **Nguyễn Minh T2** (anh trai **Nguyễn Lê B1**) thanh toán số tiền còn lại là 300.000.000 đồng cho **ngân hàng V2 chi nhánh Q** để lấy giấy tờ xe ra, rồi tiếp tục lấy chiếc xe này làm tài sản đảm bảo trong một khoản vay khác với giá trị là 300.000.000 đồng tại **ngân hàng S1 chi nhánh Q**. Tuy **B1** có nghề nghiệp là lái xe, nhưng không có tài sản, mọi chi phí sinh hoạt, ăn uống đều phụ thuộc vào bố mẹ; việc bị cáo sử dụng xe ô tô và cùng với **Phùng Vĩnh B** đi trộm cắp tài sản bà **V** hoàn toàn không biết. Tại phiên tòa, bị cáo cũng thừa nhận số tiền mua xe là của bà **Lê Thị Thu V**, còn bị cáo chỉ là người đứng tên đăng ký xe. Nếu được xem xét trả lại xe, bị cáo xin chuyển Giấy đăng ký xe mang tên **Nguyễn Lê B1** cho bà **Lê Thị Thu V** để làm thủ tục sang tên chủ phương tiện. Như vậy, có căn cứ để khẳng định bà **V** là người tiền mua xe và chủ sở hữu chiếc xe FUSO, màu sơn trắng, biển kiểm soát 73C- 103.99. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà **V** xin nhận lại chiếc xe để làm phương tiện làm ăn, xét thấy nguyện vọng của bà **V** là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- 01 ổ khóa chìa bằng kim loại, 01 báo lác màu trắng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] *Những vấn đề khác:*

- Đối với yêu cầu của **Ngân hàng S1 chi nhánh Q** về tài sản đảm bảo đang nắm giữ là chiếc xe FUSO, màu sơn trắng, biển kiểm soát 73C- 103.99, thì Ngân hàng chỉ yêu cầu bên thế chấp nộp vào 70.000.000 đồng thì sẽ tắt toán hợp đồng đảm bảo, xét thấy đây là giao dịch dân sự riêng nên HĐXX không xét.

- Trong quá trình điều tra và truy tố Cơ quan điều tra **Công an huyện V** đã truy tìm các vật chứng liên quan đến vụ án như điện thoại, cò lê, xà beng nhưng không tìm thấy nên không có cơ sở để xem xét.

- Anh **Trần Văn V1** mua lại các tài sản của **Phùng Vĩnh B** và **Nguyễn Lê B1** nhưng biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên HĐXX không xét về hành vi này.

[9] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Phùng Vĩnh B** và **Nguyễn Lê B1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Phùng Vĩnh B** 18 (Mười tám) tháng tù, tổng hợp hình phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 67/2023/HSST ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân **thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, buộc bị cáo **Phùng Vĩnh B** phải chấp hành hình phạt chung là 33 (Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 04/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Lê B1** 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 584, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo **Phùng Vĩnh B** và **Nguyễn Lê B1** liên đới bồi thường phần của bị cáo **Phùng Vĩnh B** chưa bồi thường cho anh **Mai Đức T1** 3.127.000 (Ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 584, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo **Phùng Vĩnh B** và **Nguyễn Lê B1** liên đới bồi thường cho anh **Lê Đào C2** số tiền 9.800.000 (Chín triệu tám trăm nghìn) đồng, phần của mỗi bị cáo là 4.900.000 (Bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 ổ khóa chìa bằng kim loại, kích thước 7,9cm x 4,7cm x 1,7cm, hai mặt có in dòng chữ “VIỆT NHẬTpa”, 01 bao lác màu trắng.

- Trả lại cho bà **Lê Thị Thu V** 01 xe ô tô tải hiệu FUSO, màu sơn trắng, biển kiểm soát 73C- 103.99, số máy 4M42A93634, số khung 7SMAK098663, xe đã qua sử dụng (Giấy đăng ký ô tô mang tên **Nguyễn Lê B1**).

Các vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh. 4. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, buộc **Phùng Vĩnh B** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, 401.000 (Bốn trăm lẻ một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc **Nguyễn Lê B1** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, 245.000 (Hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- Sở Tư pháp tỉnh QT;
- VKSND huyện Vĩnh Linh;
- UBND xã Vạn Ninh, phường Đồng Sơn;
- CCTHADS huyện Vĩnh Linh;
- Bị cáo, Bị hại, người CQNVLQ.
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vĩnh